TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 70/2023/HNST	*Quận 7, ngày 15 tháng 02 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 507/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2022, giữa:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thụy Mai A, sinh năm 1978; địa chỉ: 1 Đường H, Tổ D, Khu phố A, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Trần Văn T, sinh năm 1971; địa chỉ: 1 Đường H, Tổ dân phố D, Khu phố A, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 07 tháng 2 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 07 tháng 02 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thụy Mai A và ông Trần Văn T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thụy Mai A và ông Trần Văn T thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 99, quyển số 01/2000 ngày 15/12/2000 của Ủy ban nhân dân phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh).

2.2. Về con chung: Căn cứ bản sao Giấy khai sinh số 205, Quyển số 02/2001 ngày 12/12/2001 của Ủy ban nhân dân phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Cùng lời thừa nhận của ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thụy Mai A, các đương sự có 01 (một) con chung, họ và tên: Trần Nguyễn Anh T1 (nữ), sinh ngày 04/12/2001 (đã trưởng thành).

2.3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về nợ chung: Không có nợ chung, không yêu cầu tòa án giải quyết.

2.5 Về án phí sơ thẩm giải quyết vụ án hôn nhân và gia đình: bà Nguyễn Thụy Mai A tự nguyện chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm giải quyết vụ án hôn nhân gia đình là 150.000 (một trăm năm mươi ngàn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2021/0014773 ngày 05 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Hoàn trả cho bà A 150.000 (một trăm năm mươi ngàn) đồng.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 7;
- Chi cục THADS Quận 7;
- UBND nơi ĐKKH;
- Lưu hồ sơ vụ án, VT, (Vy).

THẨM PHÁN

Lê Thuần Phong